

Số: 03/KL-TTr

Đắk Tô, ngày 15 tháng 9 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

**Việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước,
các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ
năm 2020 đến năm 2022 tại Trường Mầm non Hoa Phượng**

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTr, ngày 28/6/2023 của Chánh Thanh tra huyện Đắk Tô về việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2020 đến năm 2022 tại Trường Mầm non Hoa Phượng. Từ ngày 04/7/2023 đến ngày 11/8/2023, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường Mầm non Hoa Phượng.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 28/8/2023 của Trường Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Trường Mầm non Hoa Phượng. Thanh tra huyện Đắk Tô kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

- Trường Mầm non Hoa Phượng tiền thân là Trường Mầm non xã Kon Đào huyện Đắk Tô được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-SGD, ngày 06/9/2000 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum; đến ngày 01/8/2008 được đổi tên thành Trường Mầm non Hoa Phượng theo Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND, của UBND huyện Đắk Tô; là đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo, với chức năng nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện việc quản lý biên chế, tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Nhà trường hiện tại có tổng số 29 biên chế, trong đó Ban giám hiệu có 03 người, gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; 25 giáo viên, 01 nhân viên Y tế kiêm Văn thư, thủ quỹ; bên cạnh đó hợp đồng 06 người, cụ thể: (01 giáo viên, 02 cấp dưỡng, 01 kế toán, 01 lao công và 01 bảo vệ).

- Về tổng số học sinh và các nhóm lớp: Tổng số học sinh trong toàn trường là 365 trẻ được chia làm 14 nhóm/ lớp, cụ thể: Tại Trường trung tâm có 07 lớp với tổng số 180 trẻ; Tại điểm trường thôn Đắk Lung có: 01 lớp với tổng số 22 trẻ; Điểm trường số 1 Kon Đào có: 04 lớp với tổng số 117 trẻ; Tại điểm trường số 2 Kon Đào có: 02 lớp với tổng số 46 trẻ.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ đối với một số chứng từ thu - chi do đơn vị cung cấp theo phương pháp chọn mẫu để đối chiếu số liệu trên sổ kế toán và báo cáo Tài chính; không tiến hành xác minh, đối chiếu số liệu với các đơn vị có liên quan; không kiểm kê,



112

đối chiếu tài sản, công nợ, vật tư, hàng hóa tồn kho; không xác minh chứng từ bên ngoài cung cấp, chi trả chế độ cho các đối tượng và người lao động, đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp trong quá trình thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng và chi trả.

I. NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHI THƯỜNG XUYÊN.

1. Việc thực hiện dự toán giao và chấp hành chế độ kế toán, Luật Kế toán:

- Việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán, mở sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện chế độ tài chính, mở sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đảm bảo theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính kế toán đơn vị hành chính, sự nghiệp; Hồ sơ sổ sách, chứng từ sắp xếp gọn gàng, khoa học, thuận tiện trong công tác thanh, kiểm tra.

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 61/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở các quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành và các Quyết định của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí: (Thu, chi từ ngân sách nhà nước cấp phục vụ công tác chi thường xuyên tại đơn vị trong năm 2020¹; năm 2021²; năm 2022³).

Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	Nội dung thu, chi	Năm trước	Kinh phí cấp trong năm	Kinh phí Quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Kinh phí còn lại
I	Năm 2020						
01	Nguồn tự chủ (N13)	28.644	2.935.763	2.964.407	2.964.407	0	
02	Nguồn tự chủ (N14)	0	554.061	554.061	554.061	0	
03	Nguồn không						

¹ Quyết định số 10/QĐ - PGD&ĐT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Tô về việc tạm giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

² Quyết định số 500/QĐ-UBND, ngày 17/12/2020 của UBND huyện Đăk Tô về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

³ Quyết Định số 668/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND Huyện Đăk Tô về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

TT	Nội dung thu, chi	Năm trước	Kinh phí cấp trong năm	Kinh phí Quyết toán	Số kiểm tra	Chênh lệch	Kinh phí còn lại
	tự chủ (N12)	0	462.900	406.990	406.990	0	55.910
II	Năm 2021						
01	Nguồn tự chủ (N13)	0	3.159.430	3.159.430	3.159.430	0	
02	Nguồn tự chủ (N14)	0	613.330	613.330	613.330	0	
03	Nguồn không tự chủ (N12)	0	425.430	398.238	398.238	0	27.192
04	Nguồn không tự chủ (N15)	0	120.945	111.228	111.228	0	9.717
III	Năm 2022						
01	Nguồn tự chủ (N13)	0	4.379.970	4.379.970	4.379.970	0	
02	Nguồn không tự chủ (N12)	9.717	586.511	562.817	562.817	0	33.411
03	Nguồn không tự chủ (N15)	0	271.280	271.280	271.280	0	

Trên cơ sở hồ sơ, chứng từ Trường Mầm non Hoa Phượng cung cấp, qua kết quả kiểm tra và xác minh, nhìn chung đơn vị quản lý, sử dụng nguồn NSNN cấp cơ bản đảm bảo quy định. Đơn vị thực hiện việc chi lương và các khoản phụ cấp cho viên chức, nhân viên đầy đủ, kịp thời.

Quá trình thực hiện xác lập hồ sơ mua sắm dụng cụ văn phòng, văn phòng phẩm, sửa chữa hạng mục nhỏ, trang trí lớp học... một số chứng từ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán năm 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính như: chưa lập phiếu nhập kho; phiếu xuất kho, danh sách cấp phát cho người sử dụng; Một số hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu thanh lý mua hàng hóa không thể hiện quy cách, xuất xứ, nhãn hiệu của sản phẩm; không có giấy đề xuất của bộ phận chuyên môn; Chi sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị văn phòng... Đơn vị không tiến hành lập biên bản kiểm tra đánh giá hiện trạng; Hóa đơn GTGT tẩy xóa, không ghi ngày tháng... cụ thể: (Chi tiết tại Phụ biểu số 01).

II. NGUỒN THU, CHI KHÁC TẠI ĐƠN VỊ.

1. Nguồn thu, chi học phí:

Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	Nội dung thu, chi	Năm trước	Tổng thu trong năm	Tổng chi	Số kiểm tra chi tại đơn vị	Chênh lệch	KP tồn chuyển năm sau
01	Năm học 2019-2020	1.722	89.935	64.635	64.635	0	27.022
02	Năm học 2020-2021	27.022	77.009	56.304	56.304	0	47.727



TT	Nội dung thu, chi	Năm trước	Tổng thu trong năm	Tổng chi	Số kiểm tra chi tại đơn vị	Chênh lệch	KP tồn chuyển năm sau
03	Năm học 2021-2022	47.727	86.842	59.585	59.585	0	74.984

Việc tổ chức công tác thu, chi nguồn học phí được đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 30/3/2016 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra một số chứng từ liên quan đến việc sử dụng từ nguồn thu được để lại sử dụng chưa chặt chẽ về mặt chứng từ; chưa đúng quy định tại điểm c khoản 3, điều 12 của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và không xây dựng cụ thể vào Quy chế chi tiêu nội bộ. (Quy định: Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại Điểm a Khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị), cụ thể: (Chi tiết tại Phụ biểu số 02).

2. Nguồn thu, chi hoạt động bán trú:

Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	Nội dung thu, chi	Năm trước chuyển sang	Tổng thu trong năm	Tổng chi	Số kiểm tra chi tại đơn vị	Chênh lệch	KP tồn chuyển năm sau
01	Năm học 2019-2020	8.204	243.805	252.009	252.009	0	0
02	Năm học 2020-2021	0	272.610	263.441	263.441	0	9.169
03	Năm học 2021-2022	9.169	335.077	305.022	305.022	0	39.224

- Năm học 2020-2021 theo Phương án Thu 240.000 đồng/cháu/tháng; Năm học 2021-2022 theo Phương án Thu: 300.000 đồng/cháu/tháng; Năm học 2022-2023 theo Phương án Thu: 320.000 đồng/cháu/tháng.

- Đơn vị thực hiện đúng mục đích và theo chế độ định mức và trình tự thủ tục chi được quy định tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 09/7/2021; Văn bản hướng dẫn số 1694/LN, ngày 24/9/2021 về việc hướng dẫn tạm thời công tác quản lý thu, chi các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hồ sơ và một số chứng từ chưa chặt chẽ, cụ thể: (Chi tiết tại Phụ biểu số 03).

3. Nguồn thu, chi từ quỹ hội phụ huynh học sinh⁴.

Hàng năm Ban đại diện CMHS có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Giám hiệu nhà trường trong việc xây dựng Quy chế hoạt động, cho ý kiến đối với kế hoạch thu, chi nguồn kinh phí được huy động từ cha mẹ học sinh đảm bảo theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS. (Hồ sơ thể hiện đầy đủ biên bản họp cha mẹ học sinh ở các lớp; Biên bản họp Hội cha mẹ học sinh nhà trường qua các năm học).

4. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ và kiểm tra thực tế tại đơn vị đã mở sổ theo dõi tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định 151/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên việc theo dõi công cụ dụng cụ thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời ghi chép tình hình tăng, giảm CCDC để làm căn cứ đối chiếu khi tiến hành kiểm kê định kỳ theo quy định.

C. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được:

- Việc thực hiện nguồn kinh phí chi thường xuyên: Nhìn chung đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao hàng năm theo đúng quy định hiện hành; Việc điều hành sử dụng nguồn kinh phí được cấp cơ bản theo dự toán được giao; Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán cập nhập đầy đủ, sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đã thể hiện được các nghiệp vụ tài chính phát sinh tại đơn vị; Việc thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, chế độ và định mức quy định hiện hành; Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và thực hiện công khai minh bạch các nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị theo quy định.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015; Nghị định 81/2021/NĐ-CP áp dụng từ ngày 15/10/2021. Về thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Các nguồn thu từ Quỹ Hội PHHS, thu từ dịch vụ bán trú và nguồn thu chi học phí được thực hiện đảm bảo theo quy định. Các khoản thu, chi được công khai, được sự thống nhất của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Việc thực hiện đảm bảo các nguồn kinh phí tạo sự đồng thuận, thống nhất, tin tưởng giữa phụ huynh học sinh và Ban Giám hiệu nhà trường.

- Công tác mở sổ theo dõi tài sản, công cụ dụng cụ đảm bảo theo các quy định của pháp luật. Đơn vị đã kịp thời xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng

⁴ Năm học 2019-2020: Tổng số tiền huy động được: 22.200.000 đồng. Tổng chi 22.200.000 đồng. Tồn 0 đồng; Năm học 2020-2021: Tổng số tiền huy động được: 21.000.000 đồng. Tổng chi 21.000.000 đồng. Tồn 0 đồng; Năm học 2021-2022: Tổng số tiền huy động được: 18.750.000 đồng. Tổng chi 18.750.000 đồng. Tồn: 0 đồng.



tài sản công, tài sản cố định và sổ theo dõi công cụ, dụng cụ theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Về khuyết điểm, hạn chế:

2.1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên. Trong quá trình thực hiện một số chứng từ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán năm 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính như: Chi sửa chữa trang trí lớp học, chi sửa chữa máy vi tính, chi pho to tài liệu, không lập biên bản kiểm tra đánh giá hiện trạng, hợp đồng, hóa đơn GTGT, biên bản nghiệm thu tẩy xóa ngày tháng năm, tài liệu không thể hiện nội dung, số lượng, danh sách cấp phát..., với số tiền 13.150.000đồng.

** Trách nhiệm của sai phạm nêu trên thuộc về Hiệu trưởng và kế toán.*

2.2. Việc thực hiện nguồn thu, chi học phí: Qua kiểm tra hồ sơ, xác minh một số nội dung chi từ nguồn thu học phí chưa phù hợp quy định tại điểm c khoản 3, điều 12 của NĐ16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015. Đề nghị đơn vị rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn cho các năm tiếp theo.

** Trách nhiệm của khuyết điểm nêu trên thuộc về Hiệu trưởng và kế toán.*

2.3. Việc thực hiện nguồn thu dịch vụ bán trú:

Qua kiểm tra hồ sơ, xác minh một số chứng từ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Luật Kế toán năm 2015 và Điều 3 Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Đề nghị đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm.

** Trách nhiệm của khuyết điểm nêu trên thuộc về Hiệu trưởng và kế toán.*

2.4. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Việc theo dõi công cụ dụng cụ thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời ghi chép tình hình tăng, giảm CCDC để làm căn cứ đối chiếu khi tiến hành kiểm kê định kỳ theo quy định.

** Trách nhiệm của khuyết điểm nêu trên thuộc về Kế toán.*

D. KIẾN NGHỊ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Xử lý về tài chính: Yêu cầu Trường Mầm non Hoa Phượng thu hồi số tiền sai phạm: **13.150.000** đồng (*Mười ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm gửi của Thanh tra huyện Đắk Tô số: 3949.1020.479 tại Kho bạc nhà nước huyện Đắk Tô: (*có Biểu tổng hợp chi tiết số 04 kèm theo*).

2. Xử lý về hành chính: Yêu cầu Hiệu trưởng Trường Mầm non Hoa Phượng thực hiện một số nội dung sau:

- Tổ chức họp kiểm điểm đối với các cá nhân có liên quan đến sai phạm, khuyết điểm đã chỉ ra tại phần kết luận nêu trên; đồng thời, xây dựng kế hoạch phát huy ưu điểm và khắc phục các sai phạm, khuyết điểm mà Đoàn Thanh tra đã chỉ ra.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Thanh tra huyện chậm nhất 45 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra; tổ chức niêm yết, công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị đảm bảo theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2020 đến 2022 tại Trường Mầm non Hoa Phượng.

Yêu cầu Trường MN Hoa Phượng và các cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Nội Chính Tỉnh ủy
- Thanh tra Tỉnh
- Thường trực Huyện ủy
- CT, PCT UBND huyện
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy;
- Trường Mầm non Hoa Phượng;
- Trang thông tin điện tử huyện (đưa tin);
- Lưu: Hồ sơ thanh tra.

(B/cáo);

CHÁNH THANH TRA



Trần Dương Thanh



